TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh ngày 10/8/1982.
Căn cước công dân số: 038182045256
ĐKHKTT: khu 5, xã H, thành phố V, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- *Bị đơn:* Anh Lã Quốc Đ, sinh ngày 11/1/1974.
Căn cước công dân số: 025074002289
ĐKHKTT: khu 5, xã H, thành phố V, tỉnh P.
(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày*: anh và anh Lã Quốc Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Xã H, thành phố V, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó chị P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói

chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lã Quốc Đ.

Về con chung: chị Lê Thị P xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lã Ngọc L, sinh ngày 11/12/2003 và cháu Lã Minh B, sinh ngày 12/01/2011. Cháu L hiện đã thành niên, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu B hiện đang ở cùng anh Đ tại Việt Nam. Sau khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Đ.

Về tài sản chung: chị Lê Thị P và anh Lã Quốc Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Lê Thị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị P xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Lã Quốc Đ hiện nay đang ở Việt Nam. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khu 5, xã H, thành phố V, tỉnh P. Tại Biên bản làm việc ngày 10/4/2025 anh Đ trình bày anh không đồng ý ly hôn chị P và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa anh Đ và chị P.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Lã Quốc Đ;
- Về con chung: Giao cháu Lã Minh B, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Lã Quốc Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về án phí: chị Lê Thị P chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị P nộp đơn xin ly hôn anh Lã Quốc Đ tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị P trình bày hiện nay chị P đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Xét Đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2024 của chị P gửi về Việt Nam có chứng thực của Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này chị P không có mặt ở Việt Nam và chị P đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị P đề nghị xin ly hôn với anh Đ và trình bày anh Đ hiện đang có mặt tại nơi cư trú: khu 5, xã H, thành phố V, tỉnh P. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc trực tiếp với anh Đ ngày 10/4/2025 và được anh Đ trình bày anh không đồng ý ly hôn chị P, khi nào chị P về Việt Nam anh mới giải quyết. Anh Đ từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa anh Đ và chị P. Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Đ và chị P tại nơi anh Đ đang cư trú theo quy định pháp luật.

Chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Lã Quốc Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã H, thành phố V, tỉnh P vào ngày 02/12/2003. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị P và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị P và anh Đ đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Đ là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị P được chấp nhận.

- Về con chung: chị P và anh Đ có 02 con chung là cháu Lã Ngọc L, sinh ngày 11/12/2003 và cháu Lã Minh B, sinh ngày 12/01/2011. Đối với cháu L hiện nay đã thành niên, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn cháu B sau khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy: chị P hiện tại đang ở nước ngoài, còn cháu B thì đang sống cùng với anh Đ ở Việt Nam. Mặc dù trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày quan điểm của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện về con chung của chị Lê Thị P nhưng hiện tại anh Đ vẫn là người đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Tại bản tự khai cháu B cũng thể hiện mong muốn được tiếp tục sống cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Do vậy, để đảm bảo cháu B được phát triển một cách đầy đủ và tốt nhất cần giao cháu B cho anh Lã Quốc Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị P và anh Đ ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Lã Quốc Đ.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Lã Quốc Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lã Minh B, sinh ngày 12/01/2011.

Chị Lê Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Chị Lê Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Lê Thị P (do chị Lê Thị Thanh Hằng nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 06/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Lã Quốc Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Lê Thị P là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh